

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/KDTM-ST
Ngày 31-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Nguyệt;

Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 và 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2020/TLST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐTS-KDTM ngày 09/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/2020/TB-TA ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S; trụ sở chính: 33 Đại lộ T, khu công nghiệp V, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1974; địa chỉ liên lạc: Văn phòng Luật sư A, Số 32 Đường số 1, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH J; trụ sở chính: 30 Đại lộ H, khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH J (sau đây gọi tắt là Công ty J) ký Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số 16/2016/SIV/JS ngày 02 tháng 01 năm 2016 (gọi tắt là Hợp đồng) với nội dung:

Công ty S bán hàng hóa là mực in trên các loại bao bì, đóng gói trong thùng thiếc màu trắng loại 20kg/thùng và các màu khác loại 15kg/thùng cho Công ty J. Chi tiết về hàng hóa sẽ được hai bên chỉ rõ trong các Hợp đồng mua bán hoặc Đơn đặt hàng (bằng văn bản, điện thoại và thư điện tử);

Số lượng hàng hóa, địa điểm giao nhận hàng, đơn giá, tổng trị giá hàng hóa, thuế VAT sẽ được ghi cụ thể trong các Hợp đồng mua bán hoặc Đơn đặt hàng. Hàng hóa được giao một lần hay nhiều lần tùy theo thỏa thuận của hai bên. Bên bán khi giao hàng sẽ kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản giao nhận.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn cho bên mua;

Thời hạn: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2016.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty S gửi trước bảng báo giá cho Công ty J. Khi có nhu cầu mua hàng hóa, Công ty J gửi Đơn đặt hàng (Purchase Order) qua fax hoặc email hoặc điện thoại cho Công ty S. Đơn đặt hàng thể hiện loại sản phẩm cần mua, số lượng, giá cho từng loại sản phẩm, tổng giá trị đơn hàng và ngày giao hàng mong muốn. Công ty S tiến hành giao hàng bằng phiếu giao hàng (Delivery Order) cùng với Hóa đơn giá trị gia tăng tại địa chỉ Công ty J, Công ty J kiểm tra hàng hóa, ký xác nhận trên Phiếu giao hàng và hóa đơn. Hóa đơn là căn cứ để Công ty J thanh toán tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng cho Công ty S.

Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số 16/2016/SIV/JS ngày 02 tháng 01 năm 2016 có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, sau khi Hợp đồng hết hạn, hai bên không ký lại hợp đồng mới hoặc gia hạn Hợp đồng bằng văn bản nhưng Công ty J vẫn tiếp tục đặt hàng và Công ty S giao hàng theo nội dung Hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 4.2 mục 4 của Hợp đồng và thông lệ mua bán giữa hai bên, Công ty J phải thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất Hóa đơn giá trị gia tăng nhưng do Công ty J là khách hàng lâu năm và là khách hàng lớn nên công nợ đến ngày 31/12/2018 là 23.301.860.050 đồng và được Công ty J xác nhận khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 04 năm 2019, Công ty J tiếp tục đặt hàng Công ty S với giá trị hàng hóa mua vào là 283.910.000 đồng và đã trả 356.500.000 đồng. Như vậy, Công ty J còn nợ Công ty S tổng số tiền 23.229.270.050 đồng.

Công ty TNHH S đã nhiều lần yêu cầu Công ty J thanh toán nợ nhưng họ không thực hiện, nay Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty J thanh toán số tiền còn nợ là 23.229.270.050 đồng cho Công ty S.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số 16/2016/SIV/JS ngày 02 tháng 01 năm 2016; Tờ xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán; Đơn đặt hàng (Purchase Order); Lệnh giao hàng; Hóa đơn giá trị gia tăng; Bảng tổng hợp công nợ; Giấy chứng nhận đầu tư và các tài liệu khác có liên quan.

Bị đơn Công ty S không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện đã cung cấp chứng cứ hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn có trụ sở chính tại khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty TNHH J đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để làm việc; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng người đại diện hợp pháp Công ty J vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 25/6/2020 tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận: Công ty TNHH J; có trụ sở chính trụ: 30 Đại lộ H, khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông Boo Kyung P, chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật. Công ty được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 16/5/2008 và sửa đổi lần thứ 5 vào ngày 27/7/2018. Từ khi đăng ký kinh doanh đến nay Công ty không có biến động gì về tổ chức, địa chỉ, chưa giải thể.

[3] Công ty TNHH S khởi kiện Công ty TNHH J về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu thanh toán tiền nợ số tiền 23.229.270.050 đồng. Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán; các hóa đơn giá trị gia tăng.

Bị đơn Công ty TNHH J đã được Toà án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Toà án xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, trong đó có bản xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán thể hiện tính đến ngày 31/12/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 23.301.860.050 đồng, bản xác nhận có xác nhận đóng dấu của Công ty TNHH J do JEON SEUNG I Giám đốc điều hành ký xác nhận. Ngoài ra, theo các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 283.910.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 356.500.000 đồng. Như vậy bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 23.229.270.050 đồng. Việc bị đơn không thanh toán tiền mua bán hàng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 50, 297 Luật thương mại, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền mua hàng là 23.229.270.050 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 297 Luật thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH J.

Buộc Công ty TNHH J phải trả Công ty TNHH S số tiền 23.229.270.050 đồng (hai mươi ba tỷ hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn không trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí:

Công ty TNHH J phải chịu 131.229.270 đồng (một trăm ba mươi một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH S không phải chịu án phí. Trả cho Công ty TNHH S 65.614.635

đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0046310 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An) tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ